



Nhóm Chứng chỉ rừng Huyện Thanh Chương

BÁO CÁO CHUYÊN ĐỀ ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG XÃ HỘI (SIA)

NHÓM CHỨNG CHỈ RỪNG HUYỆN THANH CHƯƠNG



Ban hành: T11/2021
Cập nhật lần 3: T8/2023

Thanh Chương T7/2023





MỤC LỤC

I.Giới thiệu	1
II.Mục tiêu, Nội dung và Phương pháp đánh giá.....	1
2.1.Mục tiêu	1
2.2.Nội dung đánh giá.....	1
2.3.Phương pháp đánh giá.....	2
III.Kết quả đánh giá	2
3.1.Tác động tích cực.....	2
3.2.Ảnh hưởng tiêu cực và dự báo nguy cơ tiềm ẩn	3
IV.Kết luận và kiến nghị.....	10
4.1.Kết luận	10
4.2.Kiến nghị.....	10
PHỤ LỤC.....	12
Phụ lục 1. BIỂU CÂU HỎI PHỎNG VẤN UBND XÃ/BQL RPH.....	12
Phụ lục 2: BIỂU CÂU HỎI PHỎNG VẤN HỘ GIA ĐÌNH	12
Phụ lục 3: DANH SÁCH HỘ PHỎNG VẤN.....	12





I. Giới thiệu

Nhóm Chứng chỉ rừng (CCR) huyện Thanh Chương là nhóm hộ thực hiện mô hình quản lý rừng bền vững của huyện Thanh Chương theo tiêu chuẩn FSC, gắn liền việc nâng cao chuỗi giá trị rừng trồng với trách nhiệm môi trường và xã hội.

Quản lý rừng bền vững phải đảm bảo 3 mục tiêu (i) Kinh tế; (ii) Môi trường và (iii) Xã hội, và tuân thủ quy trình, quy phạm, quy định của Nhà nước về quản lý rừng bền vững, bảo tồn đa dạng sinh học, cải thiện sinh kế cho người dân ở khu vực nông thôn và giảm tác động của biến đổi khí hậu.

Tổng giá trị sản xuất 6 tháng đầu năm của toàn huyện ước đạt: 4.653,0 tỷ đồng, tăng 5,67% so với cùng kỳ (trong đó: Nông, lâm, ngư nghiệp đạt: 1.660,8 tỷ đồng; công nghiệp - xây dựng đạt: 1.683,6 tỷ đồng; dịch vụ đạt: 1.308,6 tỷ đồng). Trong lĩnh vực lâm nghiệp, UBND huyện đã chỉ đạo tổ chức phong trào trồng cây, trồng rừng năm 2023. Chủ động triển khai các phương án phòng cháy chữa cháy rừng từ huyện đến cơ sở nên đã hạn chế các vụ cháy rừng trên địa bàn.

Nhóm Chứng chỉ rừng huyện Thanh Chương thực hiện việc xin cấp, duy trì và mở rộng chứng chỉ Quản lý rừng bền vững theo tiêu chuẩn FSC trên địa bàn các xã Thanh Hương và Thanh Thủy, Thanh Tùng, Thanh Hà, Thanh Mai, Thanh Lâm, BQL RPH Thanh Chương, nhằm góp phần bảo vệ môi trường và cải thiện sinh kế cho người dân ở khu vực nông thôn, miền núi. Duy trì và tăng cường phúc lợi xã hội cho người làm rừng. Ưu tiên bảo đảm công việc ổn định và an toàn lao động cho những người tham gia.

Hàng năm Nhóm Chứng chỉ rừng huyện Thanh Chương tiếp tục mở rộng diện tích, quy mô trên địa bàn các xã, thị trấn còn lại trên địa bàn huyện Thanh Chương - có diện tích quy hoạch vùng nguyên liệu cho nhà máy sản xuất viên nén gỗ Thanh Chương. Dự kiến, trong giai đoạn 2021-2026, nhóm sẽ tăng thêm số lượng thành viên đến gần 5.000 hộ gia đình và diện tích rừng khoảng 17.000 ha trên địa bàn huyện Thanh Chương.

II. Mục tiêu, Nội dung và Phương pháp đánh giá

2.1. Mục tiêu

Xác định được các tác động và đưa ra biện pháp làm giảm thiểu tác động tiêu cực tới cán bộ, công nhân viên, cộng đồng dân cư và các bên liên quan khi thực hiện các hoạt động lâm nghiệp của chủ rừng.

2.2. Nội dung đánh giá

Nội dung đánh giá tác động xã hội gồm 2 phần:

- (i) Tác động xã hội nội bộ cơ quan/đơn vị của chủ rừng

Nội bộ đơn vị chủ rừng bao gồm các nhóm đối tượng: Tất cả các thành viên trong Ban đại diện Nhóm Chứng chỉ rừng (CCR) huyện Thanh Chương, Ban đại diện các phân nhóm và các chủ rừng là hộ gia đình tại các xã Thanh Hương, Thanh Thủy, Thanh Hà, Thanh Tùng, Thanh Mai, Thanh Lâm và BQL RPH.

Đánh giá tác động xã hội nội bộ là xem xét các vấn đề ảnh hưởng đến các quá trình vận hành của Ban đại diện các cấp và các thành viên của nhóm, khi thực hiện các hoạt động lâm nghiệp;

- (ii) Tác động xã hội bên ngoài cơ quan/đơn vị có liên quan đến hoạt động lâm nghiệp;



- Cộng đồng dân cư sống trong hoặc gần rừng cho chủ rừng quản lý;
- Các bên liên quan;

Đánh giá tác động xã hội bên ngoài liên quan đến mối quan hệ giữa chủ rừng với cộng đồng thôn bản và các bên liên quan trong việc chia sẻ trách nhiệm và quyền lợi từ rừng

2.3. Phương pháp đánh giá

- Phương pháp kế thừa các tài liệu, nghiên cứu đã có.
- Phương pháp phỏng vấn hộ gia đình, thiết kế, sử dụng phiếu phỏng vấn chủ rừng để thu thập thông tin về kinh tế, xã hội, hoạt động trồng rừng của chủ rừng (theo mẫu phỏng vấn như phụ lục 1).
- Quan sát thực tế các vấn đề liên quan.

2.4. Phạm vi đánh giá:

- Năm 2021 thực hiện đánh giá tác động xã hội tại 03 phân nhóm xã Thanh Hương, xã Thanh Thủy và BQL RPH Thanh Chương.
- Năm 2022 thực hiện đánh giá tác động xã hội tại 04 phân nhóm mở rộng chứng chỉ là xã Thanh Mai, Thanh Lâm, Thanh Tùng và Thanh Hà.

Tổng diện tích của Nhóm chứng chỉ rừng huyện Thanh Chương là 5,726.10 ha với 1,567 hộ thành viên tham gia.

III. Kết quả đánh giá

3.1. Nhận diện thành phần dân tộc/người bản địa:

Các hộ dân là chủ rừng hoặc đang sản xuất lâm nghiệp trên diện tích do xã Thanh Hương, Thanh Thủy, Thanh Hà, Thanh Tùng, Thanh Mai, Thanh Lâm quản lý là người Kinh.

Riêng Ban quản lý Rừng phòng hộ Thanh Chương có lâm phần nằm trên địa bàn 8 xã (Thanh Thủy, Thanh An, Thanh Thịnh, Thanh Hương, Ngọc Lâm, Thanh Sơn, Hạnh Lâm, Thanh Đức). Có 10.613 hộ với tổng nhân khẩu 43.054 người, bao gồm có 3 dân tộc Kinh, Thái, Khơ Mú. Trong đó, dân tộc Kinh có 31.622 người, chiếm 73,5% dân số, sinh sống tập trung ở vùng trung du, dọc các đường giao thông, cuộc sống ổn định. Người dân tộc Thái số có 11.432 người, chiếm 26,5% dân số. Những người này sinh sống tập trung chủ yếu tại 2 xã Thanh Sơn và Ngọc Lâm. (**Danh sách các thành viên dân tộc Thái tại Phụ lục 4**)

Tại BQL RPH Thanh Chương, thực hiện Hợp đồng giao khoán trồng rừng sản xuất với thời hạn 20 năm đối với 12 hộ người dân tộc Thái. Những hộ này phần lớn sinh sống tại Bản Mả, Tân Hợp, Tân Ngọc và Tân Sáng, xã Ngọc Lâm.

Qua phỏng vấn, cho thấy phần lớn các hộ người dân tộc đang sản xuất lâm nghiệp trên diện tích quản lý hoặc sinh sống kế cận với rừng của nhóm, có sinh kế chủ yếu dựa vào các hoạt động nông nghiệp, lâm nghiệp và làm lao động tự do. Một số người trong cộng đồng dân tộc Thái này tham gia thu hái một số lâm sản ngoài gỗ (LSNG) có trong Rừng từ nhiên xung quanh như mây, mật ong, tre, măng...

3.2. Tác động tích cực

- Đóng góp về mặt kinh tế: Hoạt động kinh doanh rừng đã tạo công ăn việc làm cho nguồn lao động tại địa phương và các xã lân cận. Qua kết quả phỏng vấn đại diện các nhóm cho



thấy người dân đánh giá khá tốt lợi ích của sản xuất kinh doanh rừng, giúp cộng đồng phát triển kinh tế-xã hội vì nó không chỉ mang lại hiệu quả kinh tế cho chủ rừng mà những người trong cộng đồng cũng được hưởng lợi thông qua tạo việc làm cho cộng đồng địa phương. Hoạt động sản xuất kinh doanh rừng trồng bền vững góp phần vào công cuộc xóa đói giảm nghèo tại địa phương và các vùng phụ cận.

- Tổ chức quản lý chất lượng lao động theo luật pháp Việt Nam và công ước ILO: các cá nhân, tổ nhóm sản xuất lâm nghiệp được tập huấn về an toàn lao động, cũng như được trang bị thiết bị bảo hộ lao động, sơ cấp cứu trong quá trình sản xuất.
- Nâng cao năng lực cho cán bộ trong Ban đại diện nhóm CCR huyện Thanh Chương, Ban đại diện các xã: Thanh Hương, Thanh Thủy, Thanh Tùng, Thanh Mai, Thanh Hà, Thanh Lâm, BQL RPH Thanh Chương và các hộ dân là chủ rừng, hộ gia đình nhận khoán về Quản lý rừng bền vững theo tiêu chuẩn FSC. Căn cứ các rà soát điều kiện ban đầu và giám sát hiện trường, Ban đại diện sẽ xây dựng kế hoạch tập huấn (nội dung tập huấn, thời gian tập huấn, số lượng người tham gia...), xây dựng chiến lược truyền thông để tăng cường kiến thức về Quản lý RBV theo tiêu chuẩn FSC và thay đổi nhận thức, tập quán canh tác của người dân địa phương theo hướng bền vững.
- Tăng cường sự tham gia quản lý và vận hành hệ thống Quản lý rừng bền vững theo tiêu chuẩn FSC giữa các bên liên quan tại địa phương (UBND Huyện Thanh Chương, Hạt Kiểm lâm huyện Thanh Chương, Phòng NN&PTNT, UBND xã Thanh Hương, UBND xã Thanh Thủy, UBND xã Thanh Tùng, UBND xã Thanh Mai, UBND xã Thanh Hà, UBND xã Thanh Lâm BQL RPH Thanh Chương...). Điều này góp phần rất lớn trong quá trình quản lý Nhóm CCR huyện Thanh Chương.

3.3. Ảnh hưởng tiêu cực và dự báo nguy cơ tiềm ẩn

Một số mặt hạn chế tiêu cực đã và có thể xảy ra khi người dân kinh doanh trồng rừng như sau:

- Một số hộ gia đình vẫn sử dụng lửa không kiểm soát để xử lý thực bì trước khi trồng rừng.
- Sử dụng hóa chất diệt cỏ để xử lý thực bì.
- Thiên tai làm gãy đổ cây rừng.
- Nguồn thu mua chưa ổn định, còn bấp bênh và phụ thuộc nhiều vào thị trường.
- Nguồn cây giống đạt chuẩn chưa phong phú, giống tại địa phương chưa đảm bảo tiêu chuẩn.
- Thiếu hụt tài chính do kinh doanh rừng có chu kỳ dài hơn kinh doanh nông nghiệp.
- An toàn trong sản xuất, lao động chưa được quan tâm.
- Đường lâm sinh, đường dân sinh bị hư hỏng khi khai thác rừng.

Bảng 1: Ảnh hưởng tiêu cực và thực trạng

TT	Nội dung/ Hoạt động	Ảnh hưởng	Thực trạng
1	Đốt thực bì trước khi trồng rừng và sau khi khai thác	<ul style="list-style-type: none"> - Nguy cơ cháy lan vào rừng chưa khai thác ở các lô lân cận. - Khi cháy rừng sẽ thiệt hại về kinh tế; tổn công sức và tiền của khi tham gia chữa cháy. 	Đây là hoạt động đang thường xuyên diễn ra trên địa bàn các xã đánh giá do việc dùng lửa để xử lý thực bì đem lại nhiều lợi ích đặc biệt về kinh tế đối với



		Người tham gia chữa cháy (nếu xảy ra cháy lan) sẽ đối diện với nguy cơ bị ảnh hưởng đến sức khoẻ như bỏng, ngạt, tai nạn khác	người trồng rừng như ít công, nhanh và dễ thực hiện.
2	Sử dụng hóa chất diệt cỏ	- Ảnh hưởng trực tiếp đến sức khoẻ của người sử dụng như ngộ độc khi thường xuyên hít phải. - Ô nhiễm đến nguồn nước khi dư lượng thuốc diệt cỏ chưa phân huỷ hết và ngấm xuống đất cũng như mạch nước ngầm.	- Trước đây đã có hộ gia đình trong vùng sử dụng, tuy nhiên người dân nhận thấy việc sử dụng thuốc diệt cỏ sẽ ảnh hưởng lớn đến con người và môi trường nên họ không sử dụng.
3	Thiên tai như gió bão hoặc nắng nóng.	Nếu trồng thuần loài, đều tuổi khi gặp thiên tai như cháy rừng, gió bão sẽ gây thiệt hại lớn đến kinh tế.	- Các xã đánh giá thuộc khu vực miền Trung, nơi thường xuyên đối mặt với điều kiện thời tiết khắc nghiệt, nắng nóng vào mùa khô và thường hứng chịu gió bão vào mùa mưa.
4	Đầu ra không ổn định	- Thương lái là người trực tiếp thu mua rừng của người dân nên giá cả gần như do thương lái quyết định. khi nguồn nguyên liệu dồi dào họ dễ ép giá sản phẩm, đặc biệt khi gặp thiên tai gió bão làm gãy đổ tư thương ép giá rất rõ ràng và người dân buộc phải bán để hạn chế thiệt hại.	- Hiện nay người dân trồng rừng chưa có nguồn thu mua ổn định, phụ thuộc nhiều vào thương lái;
5	Nguồn gốc cây giống chưa đảm bảo	Nguồn gốc cây giống chưa được đảm bảo, chưa kiểm tra được xuất xứ nên chất lượng và năng suất rừng trồng biến động mạnh giữa các hộ và các lô rừng.	- Người dân chưa chú ý về nguồn gốc cây giống. Một số hộ dân thường mua cây con ở các vườn ươm hộ gia đình chưa đảm bảo chất lượng.
6	Trang phục bảo hộ và an toàn lao động	- Dễ xảy ra tai nạn khi trực tiếp tham gia sản xuất lâm nghiệp như quá trình làm đất, khai thác, sử dụng hoá chất bảo vệ thực vật...	- Người dân thường chủ quan vì nghĩ rằng bản thân có kinh nghiệm trong các khâu sản xuất, dẫn đến việc không quan tâm đến các tai nạn rủi ro; - Giá thành của đồ bảo hộ



			lao động khá vất vả Không quen khi sử dụng
7	Hư hỏng đường dân sinh (cộng đồng)	- Vào mùa mưa nước đọng che khuất các hố sâu có thể gây nguy hiểm cho người và phương tiện tham gia giao thông của người dân địa phương và khu vực lân cận;	Một số vị trí đường dân sinh bị hư hỏng, xuất hiện “ổ gà”, mặt đường bong tróc.
8	Sạt lở đường lâm sinh	- Đường lâm sinh hư hỏng gây khó khăn cho quá trình vận chuyển cây con trồng rừng hoặc gỗ khi khai thác. Gặp sự cố cháy rừng các phương tiện tham gia chữa cháy khó di chuyển để tiếp cận sát đám cháy.	Rừng ở khu vực đánh giá có độ dốc khá lớn do vậy đường lâm sinh thường xuyên bị sạt lở, xói mòn và lầy lội khi mùa mưa đến và tạo các rãnh sâu vào mùa khô.

Bảng 2. Dự báo nguy cơ tiềm ẩn và giải pháp khắc phục

TT	Nội dung dự báo	Nguy cơ xảy ra	Giải pháp khắc phục
1	Cháy rừng do đốt thực bì	Cao	<ul style="list-style-type: none"> - Tuyên truyền nâng cao nhận thức, hạn chế việc sử dụng lửa để đốt thực bì. Nên xử lý thực bì bằng cách băm nhỏ thực bì và để thực bì tự phân huỷ. - Tập huấn kỹ thuật nâng cao năng lực cho người dân - Không được đốt xử lý thực bì khi có dự báo cháy rừng cấp 4 và cấp 5. - Kết hợp với lực lượng chức năng giám sát chặt chẽ việc sử dụng lửa đốt xử lý thực bì vào mùa khô nóng. - Trong trường hợp phải sử dụng biện pháp đốt xử lý thực bì cần thực hiện đúng yêu cầu kỹ thuật lâm sinh trong xử lý thực bì, đặc biệt là làm đường ranh đúng tiêu chuẩn và đốt đúng kỹ thuật..
2	Thiên tai như gió bão, nắng nóng kéo dài.	TB	<ul style="list-style-type: none"> - Trồng hỗn giao các hàng cây bản địa vừa hạn chế cháy lan và là đai chắn gió an toàn cho cây Keo. - Trồng lệch chu kỳ tránh rừng đều tuổi



3	Đầu ra không ổn định	TB	<ul style="list-style-type: none">- Ban đại diện nhóm CCR huyện Thanh Chương cần phối hợp với doanh nghiệp thu mua gỗ uy tín, đảm bảo giá cả đầu ra cho người trồng rừng. Ưu tiên các doanh nghiệp, nhà máy thu mua và sản xuất nguyên liệu hiện đang đóng trên địa bàn. Nhằm mục đích nâng cao giá trị gỗ FSC đầu ra và giảm chi phí phát sinh do vận chuyển. Đồng thời, tìm nguồn thu mua và ký cam kết đảm bảo bao tiêu sản phẩm đầu ra đặc biệt khi gặp thiên tai gió bão làm gãy đổ tránh việc thương mua ép giá.- Thường xuyên cập nhật và công khai giá cả thị trường và quy cách mua bán gỗ cho các thành viên trong nhóm biết.
4	Trang phục bảo hộ và an toàn lao động	TB	<ul style="list-style-type: none">- Trang bị các trang phục bảo hộ lao động đạt tiêu chuẩn, đặc biệt bảo hộ khi khai thác.- Tập huấn nâng cao kỹ năng sử dụng phương tiện cạo, máy móc...- Trang bị các túi cứu thương hiện trường và tập huấn về an toàn lao động cũng như cách sơ cấp cứu các tai nạn thường gặp trên hiện trường rừng.
5	Hư hỏng đường dân sinh	TB	<ul style="list-style-type: none">- Giám sát tải trọng của các xe vận chuyển gỗ.- Đề xuất đóng góp quỹ cho địa phương để duy tu bảo dưỡng định kỳ đường dân sinh.- Nếu quá trình vận chuyển gỗ gây hư hỏng trực tiếp cần có biện pháp yêu cầu khắc phục.
6	Sạt lở đường lâm sinh	TB	<ul style="list-style-type: none">- Rừng ở khu vực đánh giá có độ dốc khá lớn, cần ưu tiên sử dụng, sửa chữa đường vận xuất sẵn có.- Không thi công mở đường khác thác vào thời điểm mùa mưa chính của địa phương.
7	Sử dụng hóa chất diệt cỏ	Thấp	<ul style="list-style-type: none">- Tuyên truyền nâng cao nhận thức cho người dân nhằm hạn chế việc sử dụng hóa chất trong các hoạt động sản xuất nông nghiệp nói chung và lâm nghiệp nói riêng.



			- Công khai danh mục các loại hoá chất cấm sử dụng trong Quản lý rừng bền vững tại các nhà hợp cộng đồng, Hợp tác xã...
8	Nguồn giống chưa đảm bảo.	Thấp	- Đề xuất một số công ty cung cấp giống đảm bảo tiêu chuẩn. - Xây dựng vườn ươm đạt tiêu chuẩn để cung cấp nguồn cây giống cho địa phương.

(Nguồn: Thảo luận nhóm và phân tích, 2022)

3.4. Các giải pháp giảm thiểu rủi ro trong sản xuất lâm nghiệp

Thông qua các buổi thảo luận nhóm, chúng tôi nhận thấy có nhiều nguy hiểm thường trực đối với người lao động tham gia vào hoạt động sản xuất lâm nghiệp. Trong đó, các mối nguy hiểm tập trung vào các nhóm hoạt động: trồng rừng (xử lý thực bì, đào hố làm đất, trồng cây), chăm sóc, bảo vệ, khai thác và vận xuất, vận chuyển.

Phần lớn các hoạt động sản xuất lâm nghiệp có rủi ro cao là do thiếu các trang thiết bị bảo hộ lao động phù hợp và do tính chủ quan của người lao động.

Dựa trên việc nhận diện và dự báo các rủi ro tiềm ẩn có thể gây ra tai nạn cho người lao động trong quá trình sản xuất lâm nghiệp. Chúng tôi đề xuất một số giải pháp cụ thể nhằm hạn chế các thương tích nghiêm trọng.

Bảng 3. Các giải pháp giảm thiểu rủi ro trong sản xuất lâm nghiệp

Mối nguy hiểm tiềm ẩn	Nguyên nhân	Giải pháp giảm thiểu
Bụi ảnh hưởng đến đường hô hấp	Bụi từ đất đóng bầu làm ảnh hưởng đến đường hô hấp nếu không có khẩu trang bảo vệ	Trang bị khẩu trang chống bụi đặc biệt khẩu trang chống bụi mịn
Ngộ độc do tiếp xúc không an toàn với một số hoá chất	Tiếp xúc trực tiếp không có các bảo hộ thích hợp	Khi tiếp xúc trực tiếp phải có găng tay, khẩu trang, sau khi tiếp xúc cần tắm rửa sạch sẽ và thay áo quần.
Điện giật	Rò rỉ điện ở các vị trí đấu nối, tiếp xúc không có thiết bị an toàn	Thường xuyên kiểm tra các điểm đấu nối, khi tiếp xúc với các dụng cụ điện phải dùng găng tay cách điện.
Vật độc như rắn, rết, bọ cạp, ong... chích, cắn	Đây là nguy cơ xảy ra khá cao vì các loại này thường ẩn nấp dưới các tầng thảm mục, tán cây...	Cần xua đuổi, đánh động cho các vật độc di chuyển khỏi vị trí chúng ta làm việc. Mang trang phục bảo hộ lao



		động như găng tay, ủng, áo quần bảo hộ để hạn chế nọc độc tiếp xúc vào cơ thể khi bị tấn công.
Bông, ngạt do lửa	Do đốt thực bì trước khi trồng, nguy cơ cháy lan vào rừng và người dân tham gia chữa cháy.	Chú ý an toàn khi tham gia chữa cháy, cần tham gia các khoá tập huấn nâng cao kỹ năng phòng cháy và chữa cháy rừng. Khi thấy mối nguy hiểm từ đám cháy lớn thì không được tiến hành chữa cháy trực tiếp. Tuân thủ sự chỉ đạo của người chỉ huy chữa cháy.
Tron trượt ngã trên các sườn dốc	Rừng có độ dốc khá lớn. Nguy cơ trượt chân ngã khi di chuyển hoặc trồng rừng trên sườn dốc, đặc biệt là vào mùa mưa.	Sử dụng ủng có độ bám tốt vào mùa mưa khi tiến hành các hoạt động trên đất dốc.
Đá, đất lầy, trượt theo sườn dốc	Rừng núi có kết cấu đất yếu, độ dốc cao.	Sau khi mưa lớn cần kiểm tra nền đất trước khi tiến hành các hoạt động. Nếu thấy nền đất yếu cần dừng ngay các hoạt động.
Ngộ độc (nguồn nước, nấm độc, hoa quả, lá cây ở trong rừng)	Do sự chủ quan nên người dân bất cẩn trong việc sử dụng các loại thức ăn nước uống tự nhiên	Không ăn các loại quả, nấm lạ. Nên chuẩn bị thức ăn, nước uống ở nhà và đem theo để đảm bảo an toàn.
Say nắng	Tham gia trực tiếp dưới nắng nóng thời gian dài.	Đảm bảo thời gian nghỉ ngơi, tránh việc lạm dụng sức khoẻ và làm việc quá sức
Cây đổ	Chặt hạ không đúng kỹ thuật. Do việc luồn phát dây leo chưa thực hiện tốt. Do tác động của gió (hướng và tốc độ)	Tập huấn kỹ thuật khai thác cho công nhân khai thác gỗ. Phải tiến hành công tác phát dọn cây bụi, dây leo xung quanh gốc cây.



Cành cây khô mục gãy rơi xuống	Cành nhánh khô nhưng chưa rơi xuống.	Khi chặt hạ chú ý kiểm tra cành nhánh khô trên tán cây, nếu có phải tác động cho cành nhánh khô rụng trước khi chặt hạ
Mất thăng bằng ngã bổ theo cây chặt	Do đứng không đúng vị trí khi khai thác	Tập huấn kỹ thuật khai thác. Nâng cao ý thức khi chọn vị trí khi khai thác
Đứt xích cưa xăng	Không kiểm tra kỹ dụng cụ trước khi hoạt động. Không có bảo hộ lao động đúng chuẩn trong khai thác.	Kiểm tra các dụng cụ đảm bảo an toàn trước khi thực hiện. Sử dụng trang bị bảo hộ lao động đúng chuẩn khi tiến hành khai thác
Gãy lưỡi cưa	Không kiểm tra kỹ dụng cụ trước khi hoạt động. Không có bảo hộ lao động đúng chuẩn trong khai thác.	Kiểm tra các dụng cụ đảm bảo an toàn trước khi thực hiện. Sử dụng trang bị bảo hộ lao động đúng chuẩn khi tiến hành khai thác
Bụi (từ mặt cưa)	Không có bảo hộ lao động đúng chuẩn trong khai thác.	Sử dụng trang bị bảo hộ lao động đúng chuẩn khi tiến hành khai thác, chú ý ốp bịt tai
Tiếng ồn từ máy cưa (giảm thính giác)	Không có bảo hộ lao động đúng chuẩn trong khai thác.	Sử dụng trang bị bảo hộ lao động đúng chuẩn khi tiến hành khai thác, chú ý ốp bịt tai
Đứt cáp tời xe	Rừng có độ dốc lớn. Không kiểm tra cẩn thận trước khi vận hành.	Phải thường xuyên kiểm tra hệ thống an toàn của xe tải trước khi vận hành
Xe trôi xuống dốc	Rừng có độ dốc lớn. Không kiểm tra cẩn thận trước khi vận hành.	Phải thường xuyên kiểm tra hệ thống an toàn của xe tải trước khi vận hành
Gỗ trôi từ trên cao xuống	Rừng có độ dốc lớn. Thói quen lao gỗ từ trên đỉnh dốc xuống	Cần tránh lao gỗ từ trên xuống ở nơi có độ dốc lớn. Cần có biển cảnh báo khu vực tập kết gỗ.



Nước lũ cuốn	Có nhiều khe suối trong rừng. Độ dốc lớn nên dễ có lũ lớn khi trời mưa.	Khi có mưa lớn, cần tìm chỗ tránh trú an toàn, không vượt qua các ngầm nước và các con suối. Hạn chế hoạt động trong mùa mưa.
Gỗ đẽ	Do việc bóc dỡ thủ công và không có các thiết bị bảo hộ đúng chuẩn.	Tuân thủ quy tắc khi bóc và xếp gỗ. Sử dụng các thiết bị bảo hộ thích hợp
Người rời khỏi xe	Chở người trên xe vận chuyển gỗ trong khi đường lâm sinh rất gồ ghề và khúc khuỷu	Tuyệt đối không được vận chuyển người trên thùng xe tải.
Gỗ rơi xuống đường	Không buộc gỗ chắc chắn khi vận chuyển.	Gỗ phải được xếp gọn gàng và buộc chắc chắn trên thùng xe, đảm bảo không bị rớt trong quá trình di chuyển.
Lật xe	Đường lâm sinh gồ ghề, khúc khuỷu. Có thể do chở quá tải. Hệ thống an toàn của xe không tốt	Kiểm tra hệ thống an toàn của xe trước khi vận hành. Không chở quá tải trọng cho phép. Hạn chế hoạt động vào mùa mưa.

IV. Kết luận và kiến nghị

4.1. Kết luận

- Đã phân tích và tổng hợp được 4 vấn đề tích cực mà hoạt động lâm nghiệp đem lại cho cộng đồng dân cư về kinh tế và xã hội cụ thể: Không xảy ra xung đột trong hoạt động trồng rừng giữa các bên liên quan; Thay đổi về nhận thức theo chiều hướng tích cực trong hoạt động sản xuất lâm nghiệp; Tạo nguồn thu nhập cho người dân địa phương khi tham gia vào các hoạt động trồng, chăm sóc, khai thác...; Tham gia vào nhóm chứng chỉ rừng đem lại lợi ích về kinh tế
- Báo cáo cũng đã tìm ra 9 vấn đề tiêu cực, hạn chế còn tồn tại, đồng thời đã đề xuất cụ thể các giải pháp khắc phục nhằm hạn chế và giảm thiểu tác động tiêu cực.

4.2. Kiến nghị

- Ngoài các đề xuất đã được nêu cụ thể trên, để nâng cao hiệu quả về mặt xã hội và tính khả thi cho các giải pháp cần chú ý một số vấn đề sau:
- Các hộ dân tham gia nhóm chứng chỉ rừng huyện Thanh Chương cần tuyên truyền cho người dân chưa tham gia vào nhóm biết được hiệu quả to lớn của việc trồng rừng theo tiêu chuẩn FSC®, hiểu được những lợi ích về kinh tế, môi trường và xã hội khi tham gia vào quản lý rừng bền vững gắn với chứng chỉ rừng



- Tăng cường sự tham gia của các cấp chính quyền và các bên liên quan trong công tác tuyên truyền mở rộng việc thực hiện quản lý rừng bền vững và làm cấp chứng chỉ rừng FSC® cho hộ gia đình, góp phần tăng tính bền vững, bảo vệ môi trường sinh thái - phát triển kinh tế xã hội cho địa phương.
- Cần có các chế tài xử phạt đối với những hộ dân chưa chấp hành tốt các nguyên tắc và tiêu chí của tiêu chuẩn FSC® như: xả rác thải, không mang các loại trang thiết bị bảo hộ lao động, đốt rừng không kiểm soát...
- Đối với phần diện tích tham gia FSC® tăng thêm hàng năm, cần tiến hành đánh giá tác động môi trường, tác động xã hội bổ sung nhằm duy trì và phát huy mặt tích cực, hạn chế tiêu cực ảnh hưởng xấu đến chất lượng môi trường, kinh tế xã hội của người dân.
- Thường xuyên trang bị và cập nhật các kiến thức về an toàn lao động cho người lao động. Luôn tuân thủ các quy trình sản xuất và các chỉ dẫn đề ra trong khi sử dụng máymóc thiết bị trong sản xuất.



PHỤ LỤC

Phụ lục 1. BIỂU CÂU HỎI PHÒNG VẤN UBND XÃ/BQL RPH

Phụ lục 2: BIỂU CÂU HỎI PHÒNG VẤN HỘ GIA ĐÌNH

Phụ lục 3: DANH SÁCH HỘ PHÒNG VẤN

Phụ lục 4: DANH SÁCH CÁC THÀNH VIÊN DÂN TỘC THÁI



Phụ lục 1: BẢNG CÂU HỎI PHÒNG VẤN CÁN BỘ XÃ

Tên xã:huyện.....Tỉnh:

Họ và tên người được phỏng vấn:.....

Chức vụ:.....

A. THÔNG TIN CHUNG

Tổng số hộ trong xã:.....Tổng số nhân khẩu

Thu nhập bình quân đầu người (triệu đồng/người/năm).....

Cơ cấu thu nhập (%): NLN:.....%. CN-TTCN:.....% TM-DV.....%

Tổng diện tích tự nhiên của xã:.....

Tổng diện tích đất lâm nghiệp tại xã?.....

Diện tích các loại rừng: RĐD: RPH:.....RSX:.....

Tổng diện tích rừng trồng? Tổng diện tích rừng tự nhiên?.....

Tổng diện tích rừng Keo.....Diện tích cây bản địa

Diện tích rừng đã giao:.....Diện tích chưa giao

Số hộ được nhận rừng:.....Số hộ có sổ đỏ:

Có diện tích rừng trồng nào trong xã chuyển đổi từ rừng tự nhiên nghèo không?.....

Diện tích chuyển đổi? Năm chuyển đổi

Diện tích rừng tự nhiên trong xã tăng hay giảm so với trước đây?

Tăng/giảm bao nhiêu?..... Nguyên nhân?

B. CÁC THÔNG TIN VỀ ĐA DẠNG SINH HỌC

1. Khu vực có xuất hiện loài di cư nào không?

2. Khu vực có vùng đầu nguồn xung yếu không?

3. Có bao nhiêu người phụ thuộc vào khu vực này?

4. Người dân trong xã có hay vào rừng thu hái lâm sản ngoài gỗ không?

5. Liệt kê các loài động thực vật **có gặp** trong và gần các khu rừng trồng Keo:

Các loài động thực vật quý hiếm:

Các loài động vật:

Các loài cây trồng và cây bản địa

Các loài Lâm sản ngoài gỗ:.....

Các loài thủy sản thường gặp.....

7. Khu vực xã có cộng đồng dân tộc thiểu số sinh sống không?

8. Người dân trong xã có phụ thuộc vào các nguồn nước tự nhiên không?

Tỷ lệ phụ thuộc là bao nhiêu %?.....



9. Khu vực xã có đền thờ/miếu mạo/nghĩa địa/di tích không?

Các khu vực này có giá trị nhận diện văn hóa không?

C. THÔNG TIN LIÊN QUAN KINH TẾ - XÃ HỘI

Các thủ tục người dân phải làm khi trồng rừng:

Các thủ tục người dân phải làm khi khai thác rừng:.....

Các loại thuế/phí/đóng góp khi trồng hoặc khi khai thác:

Công tác quản lý các đường dân sinh/Lâm sinh như thế nào

Các loại tai nạn thường gặp trong sản xuất Lâm nghiệp

Các tổ chức/dự án/chương trình hỗ trợ Lâm nghiệp trên xã.....

Các đội nhóm/HTX tham gia vào sản xuất Lâm nghiệp

-----XIN CẢM ƠN ÔNG/BÀ ĐÃ HỢP TÁC-----



Phụ lục 2: BẢNG HỎI THU THẬP THÔNG TIN TỪ HỘ GIA ĐÌNH

Nội dung: Đánh giá tác động xã hội - SIA

Thời gian: Ngày ... thángnăm 202..

I. THÔNG TIN HỘ GIA ĐÌNH

Câu 1. Họ và tên: Loại hộ:

Tên nhóm:

Câu 2. Địa chỉ:

Câu 3. Điện thoại:

Câu 4. Độ tuổi

a) Dưới 40 tuổi

b) Từ 41 đến 50 tuổi

c) Từ 51 đến 60 tuổi

d) Trên 60 tuổi

Câu 5. Dân tộc

a) Kinh..... b) Dân tộc thiểu số (ghi cụ thể):.....

Câu 7. Nghề nghiệp chính hiện nay

.....

II. NỘI DUNG PHỎNG VẤN

Câu 1. Diện tích tham gia chứng chỉ bao nhiêu? Có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất không?

1. Có, bao nhiêu ha?.....

2. Không, bao nhiêu ha?

Câu 2. Ông/bà trồng cây gì trên diện tích rừng của gia đình?

1. Keo

2. Cây bản địa

3. Khác, loài gì?

Câu 3. Chu kỳ trồng rừng (kinh doanh rừng) của gia đình là mấy năm?

.....

Câu 4. Mật độ trồng rừng của ông/bà bao nhiêu?

.....

Câu 5. Ông/bà có xây dựng kế hoạch quản lý, khai thác rừng bền vững không?

.....

Câu 6. Các hội viên có ký cam kết thời gian khai thác không?

1. Có, bao nhiêu năm?.....

2. Không

Câu 7. Thu nhập từ trồng rừng

Sản phẩm	Rừng chưa có chứng chỉ		Rừng có chứng chỉ	
	Gỗ dăm (Triệu đồng)	Gỗ xẻ (Triệu đồng)	Gỗ dăm (Triệu đồng)	Gỗ xẻ (Triệu đồng)
Tỉa thưa				
Khai thác				

Câu 8. Rừng có chứng chỉ và rừng không có chứng chỉ giá cả có khác biệt không?

1. Có, giá bán từng loại từng?.....

2. Không

Câu 9. Ông/bà cho biết cơ cấu thu nhập của gia đình trong 1 năm?



1. Nông nghiệp (%):
2. Lâm nghiệp (%):
3. Dịch vụ buôn bán (%):
4. Lương và các khoản thu nhập khác (%):

Câu 10. Ông/bà cho biết thu nhập từ hoạt động lâm nghiệp của gia đình trong 1 năm là bao nhiêu?

1. Từ bán gỗ (rừng trồng):
 2. Từ bán cây giống:
 3. Từ các hoạt động khai thác lâm sản ngoài gỗ:
 4. Từ hoạt động làm công:
- Trồng rừng:
- Khai thác:
- Vận chuyển gỗ:

Câu 11. Ông/bà có được tham gia các lớp tập huấn về Kỹ thuật khai thác gỗ an toàn lao động và sơ cấp cứu cho các hội viên không?

Câu 12. Ông/bà có trực tiếp khai thác gỗ hay không?

1. Có
2. Không

Câu 13. Các phương pháp bảo đảm an toàn lao động trong:

13.1. Bảo hộ an toàn khi cưa cây?

1. Có, bảo hộ là gì?
2. Không, vì sao?

13.2. Bảo hộ an toàn khi bóc vỏ?

1. Có, bảo hộ là gì?
2. Không, vì sao?

13.3. Bảo hộ an toàn khi vận chuyển gỗ lên xe (bóc vát)?

1. Có, bảo hộ là gì?
2. Không, vì sao?

Câu 14. Ông/bà có giám sát các phương pháp bảo đảm an toàn lao động trong các khâu kinh doanh rừng hay không? Đặc biệt khi khai thác?

1. Có, khi giám sát ông/bà chú ý đến điều gì?
2. Không

Câu 15. Đường dân sinh trong vùng có bị ảnh hưởng bởi quá trình vận chuyển gỗ hay không?

1. Có, ảnh hưởng như thế nào? Đề xuất cách khắc phục?
2. Không

Câu 16. Đường lâm sinh có bị ảnh hưởng bởi quá trình khai thác, vận chuyển gỗ hay không?

1. Có, ảnh hưởng như thế nào? Đề xuất cách khắc phục?
2. Không

--- Xin cảm ơn ông/bà đã hợp tác ---



Phụ lục 3: DANH SÁCH HỘ PHÒNG VÁN

TT	Họ và Tên	Địa chỉ
I	Năm 2021	
1	Nguyễn Bá Tín	Xã Thanh Hương
2	Trần Văn Biểu	Xã Thanh Hương
3	Nguyễn Gia Tam	Xã Thanh Hương
4	Ngô Văn Lộc	Xã Thanh Hương
5	Nguyễn Văn Nam	Xã Thanh Hương
6	Nguyễn Công Phương	Xã Thanh Hương
7	Nguyễn Văn Sơn	Xã Thanh Hương
8	Nguyễn Văn Bổng	Xã Thanh Hương
9	Đặng Thái Định	Xã Thanh Hương
10	Nguyễn Văn Liên	Xã Thanh Hương
11	Nguyễn Văn Mạo	Xã Thanh Hương
12	Nguyễn Văn Đường	Xã Thanh Hương
13	Nguyễn Bình	Xã Thanh Hương
14	Trần Tử Xuân	Xã Thanh Hương
15	Nguyễn Sỹ Bình	Xã Thanh Thủy
16	Nguyễn Đình Hợp	Xã Thanh Thủy
17	Bùi Văn Yên	Xã Thanh Thủy
18	Nguyễn Dương Hiếu	Xã Thanh Thủy
19	Trần Quốc Bình	Xã Thanh Thủy
20	Nguyễn Thế Lĩnh	Xã Thanh Thủy
21	Lê Thị Cung	Xã Thanh Thủy
22	Nguyễn Đình Đường	Xã Thanh Thủy
23	Nguyễn Hữu Bình	Xã Thanh Thủy
24	Nguyễn Sỹ Thanh	Xã Thanh Thủy
25	Ngô Xuân Nam	Xã Thanh Thủy
26	Nguyễn Duy Thanh	BQL RPH Thanh Chương
27	Nguyễn Đình Tuệ	BQL RPH Thanh Chương
28	Lê Văn Thượng	BQL RPH Thanh Chương
29	Lê Quang Lục	BQL RPH Thanh Chương
30	Trần Văn Quyết	BQL RPH Thanh Chương
31	Thái Bá Huế	BQL RPH Thanh Chương
32	Lê Anh Nam	BQL RPH Thanh Chương
33	Lô Thị Nga	BQL RPH Thanh Chương
34	Kha Văn Dậu	BQL RPH Thanh Chương
35	Lô Văn Chín	BQL RPH Thanh Chương
II	Năm 2022	
36	Lâm Văn Kha	Xã Thanh Hà



Nhóm Chứng chỉ rừng Huyện Thanh Chương

37	Đặng Quang Lân	Xã Thanh Hà
38	Phan Văn Hạ	Xã Thanh Hà
39	Hồ Văn Lý	Xã Thanh Hà
40	Phan Đại Huynh	Xã Thanh Hà
41	Nguyễn Đình Tĩnh	Xã Thanh Hà
42	Hoàng Văn Thực	Xã Thanh Hà
43	Lê Văn Phúc	Xã Thanh Mai
44	Bùi Văn Nhâm	Xã Thanh Mai
45	Trần Văn Toàn	Xã Thanh Mai
46	Lê Xuân An	Xã Thanh Mai
47	Đậu Đình Lý	Xã Thanh Mai
48	Đình Văn Nam	Xã Thanh Lâm
49	Nguyễn Văn Bảy	Xã Thanh Lâm
50	Nguyễn Đức Hội	Xã Thanh Lâm
51	Nguyễn Khắc Diên	Xã Thanh Lâm
52	Phạm Văn Hoan	Xã Thanh Lâm
53	Phan Thái Tình	Xã Thanh Lâm
54	Bùi Văn Yêu	Xã Thanh Tùng
55	Nguyễn Cảnh Bảo	Xã Thanh Tùng
56	Phan Quang Tịnh	Xã Thanh Tùng
57	Nguyễn Đình Đăng	Xã Thanh Tùng
58	Nguyễn Việt Thi	Xã Thanh Tùng
59	Lê Văn Thông	Xã Thanh Tùng
60	Phan Sỹ Cận	Xã Thanh Tùng
61	Nguyễn Trọng Tính	Xã Thanh Tùng



Phụ lục 4: DANH SÁCH CÁC THÀNH VIÊN NGƯỜI DÂN TỘC THÁI

TT	Họ và tên	Địa điểm	Trạm/Xóm	Phân nhóm
1	Lô Quang Dung	Thanh Sơn	Khe Máng	RPH
2	Lô Thị Nga	Xã Ngọc Lâm	Rại Rại	RPH
3	Lô Văn Chín	Xã Ngọc Lâm	Khe Máng	RPH
4	Lô Văn Thủy	Xã Ngọc Lâm	Khe Máng	RPH
5	Lương Quang Cảnh	Xã Ngọc Lâm	Khe Tròn	RPH
6	Lương Thị Nụ	Thanh Hương	Khe Máng	RPH
7	Lương Văn Đào	Xã Ngọc Lâm	5	Thanh Hương
8	Lương Văn Lợi	Xã Ngọc Lâm	Khe Tròn	RPH
9	Vi Hồng Quyết	Thanh Sơn	Khe Tròn	RPH
10	Vi Thị Cúc	Xã Ngọc Lâm	Rại Rại	RPH
11	Vi Văn Hùng	Xã Ngọc Lâm	Khe Tròn	RPH
12	Vi Văn Tuấn	Xã Ngọc Lâm	Khe Tròn	RPH